

Bản án số: 144/2024/DS-PT
Ngày 26 tháng 3 năm 2024
“*Tranh chấp đòi lại tài sản thừa kế*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Ông Dương Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 562/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DSST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 398/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T (chết tháng 2 năm 2022).

Địa chỉ: Số C L, khu V, phường N, thị xã N (nay là thành phố N), tỉnh Hậu Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T:

1.1. Anh Trần Ngọc H, có mặt.

Địa chỉ: Số C L, khu V, phường N, thị xã N (nay là thành phố N), tỉnh Hậu Giang.

1.2. Chị Trần Ngọc D, vắng mặt.

Địa chỉ: Số G, N F, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D: Ông Nguyễn Viết C. Địa chỉ: Số D đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, có mặt (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hà Đức M, vắng mặt.

2.2. Bà Lê Thị Kim T1, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số H M, F, USA.

Địa chỉ tạm trú: 369F, khu V, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: B đường A, khu tái định cư P, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, có mặt (theo Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc H2 – Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố C, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Ngọc D, vắng mặt.

Địa chỉ: Số G, N F, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Ngọc D: Anh Trần Ngọc H. Địa chỉ: Số C L, khu V, phường N, thị xã N (nay là thành phố N), tỉnh Hậu Giang, có mặt (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022).

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông Trần Ngọc H, bà Trần Ngọc D - Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

4.2. Ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 - Bị đơn.

NHẬN THẤY:

- Nguyên đơn ông Trần Văn T (đã chết) có người kế thừa anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D ủy quyền cho ông Nguyễn Viết C trình bày: Vào năm 1998, bà Hà X cùng chồng là ông Trần Văn T có mua và đứng tên chủ sở hữu 02 ngôi nhà số C - C, đường L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn T, bà Hà X vào ngày 02/7/1998. Sau đó, ông Ha Ming D1 (Hà Đức M) là em ruột của bà Hà X đã khởi kiện ông T đòi lại tài sản là 02 ngôi nhà nêu trên. Tại bản án sơ thẩm số: 08/2016/DS-ST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và bản án phúc thẩm số: 208/2017/DS-PT ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử có nội dung như sau: Ông Trần Văn T đứng tên chủ sở hữu là đứng tên giùm ông Ha Ming D1 (H), bà Lê Thị Kim T1; ông Ha Ming D1 (H), bà Lê Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T tiền công trông

giữ, quản lý tài sản là ngôi nhà số C đường L số tiền 648.000.000 đồng; các tranh chấp về thuế, tiền sửa nhà ... nếu có phát sinh sẽ giải quyết thành vụ án khác. Hai bản án nêu trên đều chưa đề cập, chưa giải quyết một khoản tiền nào đối với công sức của bà Hà X đã đầu tư vào tài sản tranh chấp, quản lý tài sản tranh chấp và thù lao được hưởng từ việc nêu cho là đứng tên giữ sổ hữu nhà như bản án sơ thẩm và phúc thẩm xác định. Nay bà Hà X chết; ông Trần Văn T và anh Trần Ngọc H (con bà Hà X) là những người thừa kế tài sản của bà Hà X khởi kiện yêu cầu ông Ha Ming D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1 hoàn trả những khoản tiền như sau: Tiền lệ phí trước bạ 2% vào thời điểm năm 1998 tương ứng với 2% vào thời điểm hiện nay là 102.120.360 đồng; tiền sửa chữa nhà và sơn lại nhà là 120.000.000 đồng; chi phí quản lý như án sơ thẩm và phúc thẩm đã giải quyết cho ông T được hưởng chưa giải quyết cho bà Hà X là 648.000.000 đồng; thù lao được hưởng nêu cho rằng ông T, bà Hà X đứng tên giữ bằng 30% giá trị tài sản chênh lệch giữa giá theo bản án hiện nay so với giá lúc mua là 1.270.890.300 đồng; tổng cộng là 2.141.000.000 đồng (tính tròn) cho những người thừa kế di sản của bà Hà X gồm: Ông Trần Văn T, anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D tương đương với giá trị ngôi nhà số C đường L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang, nên ông T và anh H yêu cầu được nhận giá trị bằng hiện vật là ngôi nhà theo giá được quy định theo bản án 208/2017/DS-PT ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên, không yêu cầu định giá lại tài sản.

Nguyên đơn anh Trần Ngọc Hòa đồng t là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Ngọc D trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông C và không có ý kiến gì khác.

- Bị đơn Ha Ming D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Tại bản án phúc thẩm số: 208/2017/DS-PT ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phần nhận định của bản án phúc thẩm đã xác định ngôi nhà số C, đường L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang là tài sản của vợ chồng ông M và đã giải quyết những vấn đề về liên quan đến chi phí quản lý tài sản và thù lao đứng tên giữ; còn tiền trước bạ là do bị đơn bỏ tiền ra mọi chi phí; phần sửa chữa nhà không có và cũng không có việc tu bổ lại nhà. Do đó, bị đơn không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 609, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H, ông Trần Văn T (ông T chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D. Buộc ông Ha Ming D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị

Kim T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà X và ông Trần Văn T số tiền lệ phí trước bạ 102.120.360 đồng (một trăm lẻ hai triệu một trăm hai mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng). Giao anh Trần Ngọc H là đại diện hàng thừa kế của bà Hà X và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T nhận tiền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền thù lao bằng 30% giá trị tài sản chênh lệch do bà Hà X đứng tên nhà giùm là 1.270.890.300 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn ba trăm đồng).

3. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi khoản tiền công trông giữ, quản lý nhà, đất của bà Hà X với số tiền 648.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi tiền sửa chữa sơn lại nhà là 120.000.000 đồng và yêu cầu được nhận giá trị bằng hiện vật là căn nhà; về lãi suất chậm thi hành án; về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/7/2023, anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn ông Hà Minh D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1 trả cho những người thừa kế của bà X tiền công sức gìn giữ, quản lý nhà với số tiền là 648.000.000 đồng và số tiền thù lao được hưởng bằng 30% giá trị tài sản trị giá 1.270.890.300 đồng.

- Ngày 18/8/2023, bà Nguyễn Thị H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 kháng cáo bản án sơ thẩm không đồng ý trả cho nguyên đơn lệ phí trước bạ 2% vào thời điểm năm 1998 tương ứng với 2% vào thời điểm hiện nay là 102.120.360 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Nguyễn Viết C là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn ông Hà Minh D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1 trả cho những người thừa kế của bà X tiền công sức gìn giữ, quản lý nhà với số tiền là 648.000.000 đồng và số tiền thù lao được hưởng bằng 30% giá trị tài sản trị giá 1.270.890.300 đồng.

- Anh Trần Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Ngọc D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn ông Hà Minh D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1 trả cho những người thừa kế của bà X tiền công sức gìn giữ, quản lý nhà với số tiền là 648.000.000 đồng và số tiền thù lao được hưởng bằng 30% giá trị tài sản trị giá 1.270.890.300 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 rút toàn bộ kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Về công sức của ông T, bà X đã được Tòa án giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp

luật và phía bị đơn thi hành án xong. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 rút đơn kháng cáo đối với phần tiền nộp lệ phí trước bạ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D và đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 rút đơn kháng cáo đối với phần tiền nộp lệ phí trước bạ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 do bà H1 đại diện theo ủy quyền.

Về nội dung kháng cáo anh H, chị D: Xét thấy Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của anh H, chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D - Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần Văn T và đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 rút toàn bộ kháng cáo đối với phần tiền nộp lệ phí trước bạ. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh H, chị D yêu cầu bị đơn ông Ha Ming D1 (H), bà Lê Thị Kim T1 trả cho bà X tiền chi phí quản lý nhà với số tiền là 648.000.000 đồng và số tiền thù lao được hưởng bằng 30% giá trị tài sản trị giá 1.270.890.300 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Trước đây, ông Ha Ming D1 (H), bà Lê Thị Kim T1 khởi kiện đòi ông T và những người thừa kế của bà X trả lại căn nhà số F đường L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Cần Thơ cũ nay thuộc căn nhà số nhà C, C, đường L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 208/2017/DS-PT ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố

Hồ Chí Minh đã công nhận căn nhà và đất tại nhà 34, C đường L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1; ông Hà Đức M (H), bà Lê Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T tiền công trông giữ, quản lý tài sản là căn nhà số C L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang số tiền 648.000.000 đồng; đối với số tiền nộp các khoản thuế, tiền sửa nhà ... nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Sau đó, ông Trần Văn T khởi kiện và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T có anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D yêu cầu bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 hoàn trả cho những người thừa kế của bà X các khoản tiền gồm: Lệ phí trước bạ 2% vào thời điểm năm 1998 tương ứng với 2% vào thời điểm hiện nay là 102.120.360 đồng; tiền sửa chữa nhà và sơn lại nhà là 120.000.000 đồng; tiền chi phí quản lý nhà 648.000.000 đồng; tiền thù lao được hưởng bằng 30% giá trị tài sản là 1.270.890.300 đồng. Còn bị đơn Ông Hà Đức M (H), bà Lê Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị H1 làm đại diện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T.

Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của anh H, chị D buộc ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà X và ông Trần Văn T số tiền lệ phí trước bạ là 102.120.360 đồng (một trăm lẻ hai triệu một trăm hai mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng). Giao anh Trần Ngọc H là đại diện hàng thừa kế của bà Hà X và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T nhận tiền. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D - Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Trần Văn T kháng cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của ông T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông T có anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D đòi bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 trả công sức cho bà Hà X đã giữ gìn, quản lý nhà, đất với số tiền 648.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 208/2017/DS-PT ngày 29/8/2017 đã xem xét đối với công sức của ông T và bà X trong việc quản lý, gìn giữ căn nhà, đất tại số C đường L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang. Do bà X đã chết nên phần Quyết định của Bản án số: 208/2017/DS-PT tuyên buộc ông M, bà T1 trả cho ông T công sức bảo quản, trông giữ nhà, đất với tổng số tiền là 648.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định phần tính công sức bảo quản, trông giữ nhà, đất của ông T và bà X đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T (ông T chết) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D đòi khoản tiền công trông giữ, quản lý nhà, đất của bà Hà X với số tiền 648.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng) theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D đòi bị đơn ông Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1 trả tiền thù lao cho bà Hà X bằng 30% giá trị tài sản do bà Hà X đứng tên nhà giùm ông M, bà T1 với số tiền 1.270.890.300 đồng. Xét thấy: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 208/2017/DS-PT, ngày 29/8/2017 đã xem xét buộc ông M, bà T1 trả tiền công trông giữ, quản lý tài sản là căn nhà số C đường L, khu V, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang cho vợ chồng ông T, bà X trong việc trông giữ và quản lý tài sản nhà, đất với số tiền 648.000.000 đồng như nhận định tại mục [3.1] nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh H, chị D đòi ông M, bà T1 trả tiền thù lao cho bà Hà X do đứng tên nhà giùm ông M, bà T1 bằng 30% giá trị tài sản nhà, đất trị giá thành tiền là 1.270.890.300 đồng là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Trần Văn T có anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D, giữ nguyên bản sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy nguyên đơn ông Trần Văn T và bị đơn ông Hà Ming D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T, bị đơn ông Hà Ming D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1. Anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về phần án phí nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi tiền sửa chữa sơn lại nhà là 120.000.000 đồng và yêu cầu được nhận giá trị bằng hiện vật là căn nhà; về lãi suất chậm thi hành án; về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 289; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hà Đức M, bà Lê Thị Kim T1.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Ngọc H, chị Trần Ngọc D - Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Trần Văn T.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang về án phí:

2.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T (ông T chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D. Buộc ông Ha Ming D1 (Hà Đức M), bà Lê Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà X và ông Trần Văn T số tiền lệ phí trước bạ là 102.120.360 đồng (một trăm lẻ hai triệu một trăm hai mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng). Giao cho anh Trần Ngọc H là đại diện hàng thừa kế của bà Hà X và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T nhận tiền.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T (ông T chết) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D đối với tiền thù lao bằng 30% giá trị tài sản chênh lệch do bà Hà X đứng tên nhà giùm là 1.270.890.300 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn ba trăm đồng).

2.3. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T (ông T chết) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D đòi khoản tiền công trông giữ, quản lý nhà, đất của bà Hà X với số tiền 648.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

2.4. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T, ông Ha Ming D1 (H), bà Lê Thị Kim T1. Anh Trần Ngọc H và chị Trần Ngọc D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Văn T (do ông Trần Ngọc H nộp thay) số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0016407 ngày 28/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Hoàn trả cho ông Trần Ngọc H số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0016406 ngày 28/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

3. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả cho ông Trần Ngọc H số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000033 ngày 14/8/2023 của

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

- Hoàn trả cho bà Trần Ngọc D số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000034 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi tiền sửa chữa sơn lại nhà là 120.000.000 đồng và yêu cầu được nhận giá trị bằng hiện vật là căn nhà; về lãi suất chậm thi hành án; về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**